

Ông và bà Nguyễn Thị T kết hôn vào năm 1983, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B.H, quận H.C, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại K266/H79/36 H.D, phường B.H, quận H.C, thành phố Đà Nẵng là nhà riêng của ba mẹ ông. Sau khi kết hôn bà T và ông thường xuyên bắt đồng quan điểm sống. Đến năm 1997, thì ông và bà T đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhưng thời điểm đó ông bận làm ăn xa nên không thể tiến hành thủ tục và đình chỉ việc ly hôn. Kể từ năm 1997 đến năm 2014, ông và bà T vẫn tiếp tục sống chung một nhà nhưng mục đích hôn nhân không còn. Đến năm 2014 bà T bỏ nhà đi khỏi địa phương, từ đó đến nay không trở về, không quan tâm ba con ông H sống thế nào. Nay ông H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn để sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hữu H xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh, sinh ngày 27.02.1985, Nguyễn Hữu Tài, sinh ngày 17.5.1989 và Nguyễn Hữu Hoàng Lộc, sinh ngày 07.6.1993. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Hữu H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã bỏ đi khỏi địa phương nên Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đăng Báo Thanh niên 03 ngày liên tiếp 18,19,20.3.2023; thông báo trên Đài phát thanh truyền hình Đà Nẵng trong 03 ngày liên tiếp 21,22,23.3.2023) và công thông tin điện tử của Tòa án theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T không đến Tòa án và không có ý kiến bằng văn bản nộp tại Tòa án về nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Hữu

H về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị T; các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án do Tòa án nhân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị T.

[2] Về nội dung :

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn vào năm 1983, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B.H, quận H.C, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 03.8.1983). Hôn nhân giữa ông H và bà T đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ông Nguyễn Hữu H yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong quá trình chung sống, ông H và bà T phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm, giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ông H và bà T đã từng làm đơn xin ly hôn từ năm 1997, nhưng sau khi Tòa án đình chỉ đơn ly hôn thì bà T vẫn không chung sống hạnh phúc với ông H mà bỏ nhà đi khỏi địa phương, không quan tâm đến chồng con. Tòa án cũng đã làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà T vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc xin ly hôn của bà T với ông H, thể hiện thiếu sự thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình và làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Qua xác minh tại địa phương thì thấy hiện

nay chỉ có ông H đang sinh sống, còn bà T đã đi khỏi địa phương và không khai báo tạm trú, tạm vắng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình.

2.2. *Về con chung*: Ông Nguyễn Hữu H xác định ông và bà Nguyễn Thị T có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh, sinh ngày 27.02.1985, Nguyễn Hữu Tài, sinh ngày 17.5.1989 và Nguyễn Hữu Hoàng Lộc, sinh ngày 07.6.1993. Các con chung đã đủ tuổi thành niên nên Tòa án không giải quyết.

2.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Nguyễn Hữu H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng Ông Nguyễn Hữu H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 180, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông **Nguyễn Hữu H** đối với bà **Nguyễn Thị T**.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu H được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Các con chung của ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị T là Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh, sinh ngày 27.02.1985, Nguyễn Hữu Tài, sinh ngày 17.5.1989 và Nguyễn Hữu Hoàng Lộc, sinh ngày 07.6.1993 đã đủ tuổi thành niên nên Tòa án không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Hữu H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng Ông Nguyễn Hữu H phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0007196 ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Ông Nguyễn Hữu H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Bình Hiên
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Ngọc Kinh Luân